

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH NGÀY 03.04.2017: SÓNG LỚN Ở STB!!!

Câu chuyện tái cơ cấu làm nóng giao dịch ở cổ phiếu STB. Các lệnh mua khối lượng lớn nhập cuộc ngay từ thời điểm đầu phiên đẩy giá cổ phiếu tăng trần ngay trong vòng hơn 1 tiếng đồng hồ mở cửa thị trường. Cổ phiếu kết phiên ở giá trần và không còn dư bán kèm theo giao dịch đặc biệt sôi động với thanh khoản đột biến, tổng khớp lệnh cả phiên lên đến trên 18 triệu cp. Câu chuyện tái cơ cấu STB nóng lên với các đề nghị tham gia từ các nhóm nhà đầu tư Đặng Văn Thành – Evercore, và NovaGroup. Cả 2 nhóm đều có năng lực tài chính mạnh và đề án tái cơ cấu bài bản, khó có thể dự đoán nhóm nào sẽ giành được quyền chi phối ở Sacombank vào lúc này, vì mọi việc hầu như sẽ do NHNN định đoạt. Tuy nhiên, một điều có thể suy ra từ phản ứng của thị trường đó là kỳ vọng lớn vào sự hồi sinh của Sacombank sau đợt tái cơ cấu này.

Trở lại diễn biến giao dịch, cả 2 chỉ số chính cùng giao dịch giằng co trong phiên hôm nay với nhiều lần đảo chiều tăng giảm. Tuy vậy, cả 2 chỉ số vẫn giữ được sắc xanh nhờ diễn biến tích cực trong những phút cuối của phiên giao dịch. VN-Index chốt phiên vừa đủ tăng 0.01%, trong khi HNX-Index tăng nhẹ 0.11%. Thanh khoản toàn thị trường lên tới trên 4,600 tỷ đồng. Thị trường phân hoá

Cập nhật thị trường	HOSE	HNX
Chỉ số	722.38	90.92
% thay đổi	0.01%	0.11%
Tổng KLGD (triệu CP)	195.40	39.39
Tổng GTGD (Tỷ VND)	3,892.15	545.43
KL Dư mua (triệu CP)	152.29	35.13
KL Dư bán (triệu CP)	133.56	33.00

manh, dòng tiền tập trung vào nhóm các cổ phiếu cơ bản, có kết quả kinh doanh khả quan hoặc có thông tin hỗ trợ.

Giao dịch nước ngoài	HOSE	HNX
KL NĐTNN mua (triệu CP)	5.78	1.36
KL bán (triệu CP)	6.59	0.30
GT mua (tỷ đồng)	309.37	20.43
GT bán (tỷ đồng)	245.97	5.81
KL mua/bán ròng (triệu CP)	(0.82)	1.05
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	63.40	14.62

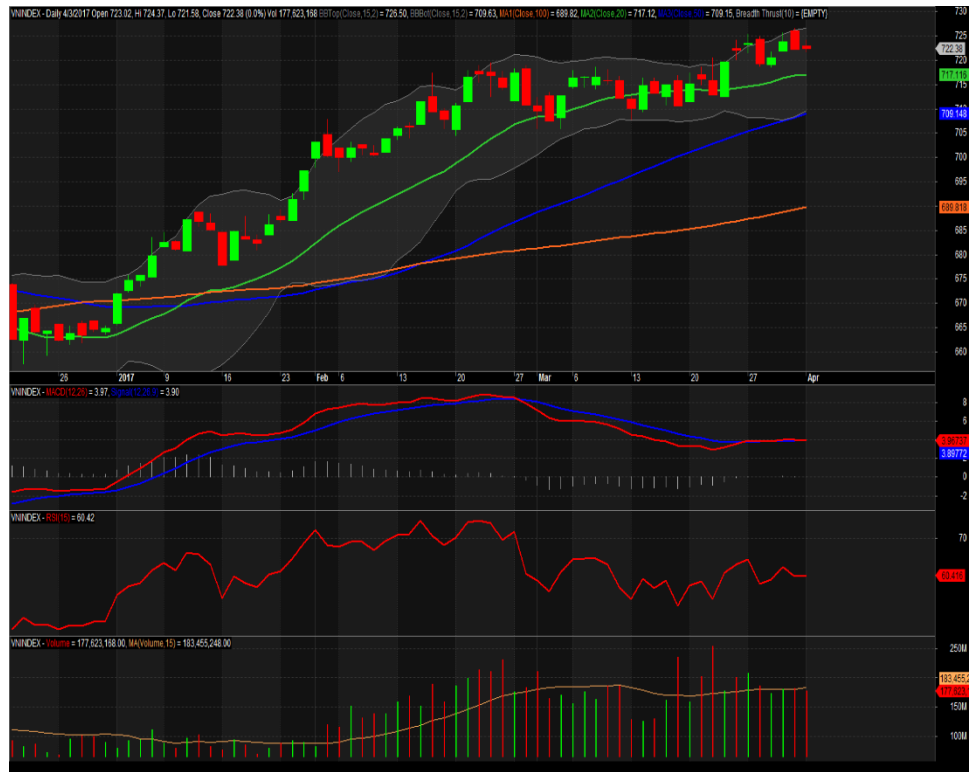
Nhóm cổ phiếu thép sau quyết định áp thuế của Bộ Công Thương tiếp tục tăng tốt trong phiên hôm nay: HPG (+4.6%), NKG (+2.0%), TLH (+2.8%). Nhóm ngành BĐS cũng tăng tốt ở những mã vốn hoá vừa và nhỏ như DXG (+5.3%), LDG (+5.8%), NLG (+2.6%), SCR (+5.3%), TDH (+4.8%)

Khối ngoại trong phiên hôm nay tiếp tục mua ròng mặt dù mức độ tham gia đã giảm so với những phiên trước. Các NĐTNN tiếp tục mua ròng mạnh VNM, HPG và VJC, trong khi bán ròng VCB, HBC và PVD.

Chỉ số thị trường	HOSE	HNX
P/B	4.56	1.72
P/E	16.72	11.56
Beta	0.81	0.80
ROE	21.2%	15.1%
ROA	11.0%	6.2%

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT NGÀY 03.04.2017

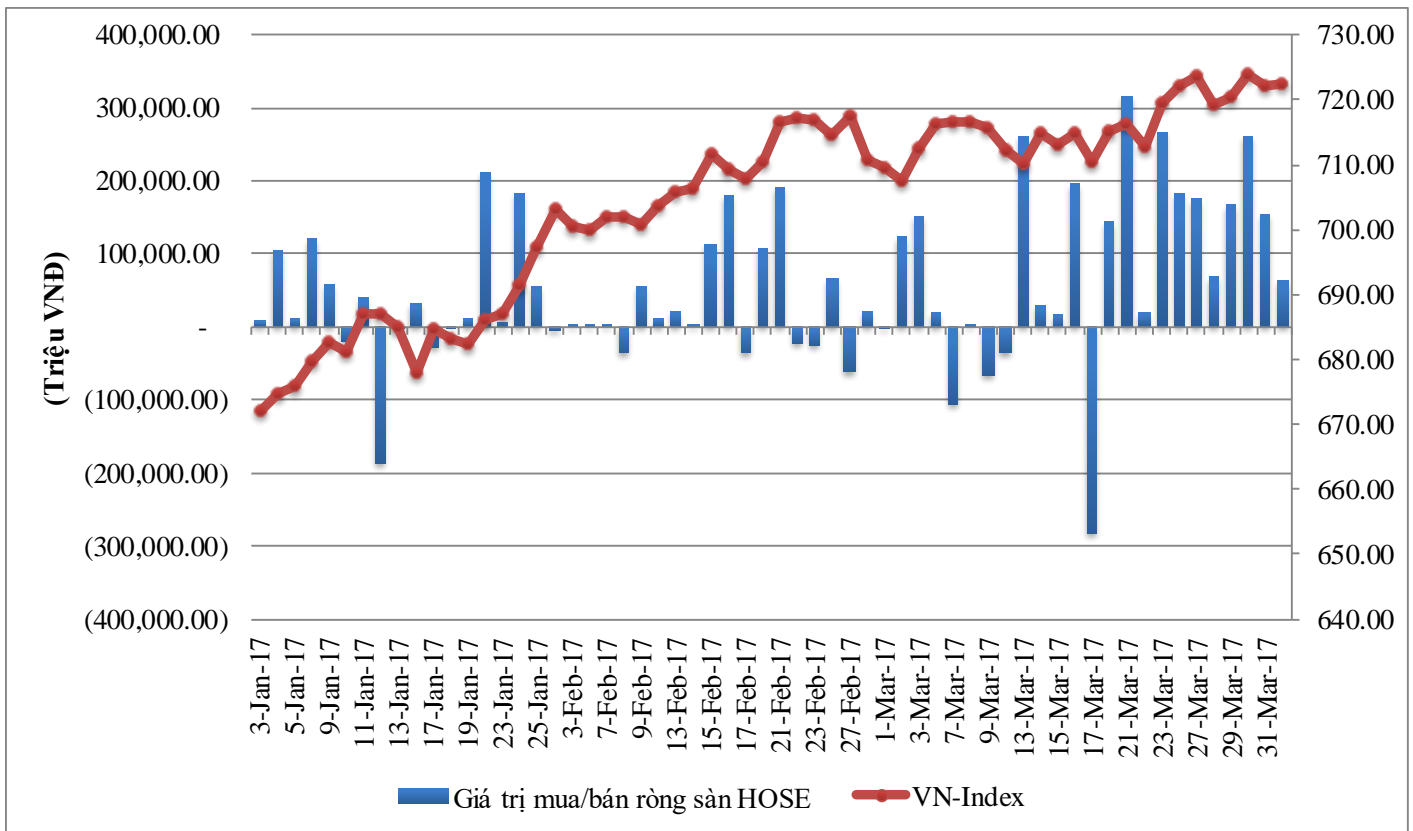
VN-INDEX: Chỉ số tiếp tục đi ngang trên mức 720 điểm. Thanh nền hôm nay đỏ và ngắn cho thấy giao dịch khá giằng co. Có vẻ như mức này đang trở thành mức hỗ trợ ngắn hạn của chỉ số. Thanh khoản thị trường tiếp tục được duy trì khá tốt. Các chỉ báo xung lượng thị trường RSI và MACD vẫn chưa cho thấy dấu hiệu được cải thiện hay bị suy yếu.



HNX-INDEX: Thanh nền hôm nay có thân ngắn cùng với bóng nền dưới dài cho thấy lực bán trong phiên được hấp thụ tốt. MACD và RSI tiếp tục đi ngang không rõ xu hướng. Tuy nhiên, RSI đang tiệm cận mức quá mua, cho thấy lực cầu vẫn còn khá tốt đối với chỉ số. Tuy nhiên, lực cầu này có thể vẫn là chưa đủ để chỉ số có thể vượt qua khỏi mức kháng cự 92 điểm hiện tại.



Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



Điểm tin

- **Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BIC)** cho biết, ngày 13/4 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt tỉ lệ 7% mệnh giá. *(Theo báo Đầu tư chứng khoán)*
- **HĐQT CTCP Đầu tư xây dựng 3-2 (C32)** vừa thông qua nghị quyết các nội dung sẽ trình ĐHCĐ thường niên năm 2017 diễn ra vào ngày 21/4 tới đây với doanh thu dự kiến 620 tỷ đồng, tăng 19% y/y và LNST 90 tỷ đồng, giảm 4% y/y, dự kiến cổ tức tỷ lệ 24% bằng tiền, tương tự năm 2016. HĐQT C32 cũng sẽ trình kế hoạch thưởng 1.12 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1, đồng thời phát hành 224.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). *(Theo báo Đầu tư chứng khoán)*
- **Chỉ số nhà quản trị mua hàng Purchasing Managers' Index (PMI)** toàn phần lĩnh vực sản xuất Việt Nam đã tăng từ mức 54.2 điểm của tháng 2 lên 54.6 điểm trong tháng 3, cho thấy sự cải thiện mạnh mẽ của sức khỏe lĩnh vực sản xuất. Nhìn chung, các điều kiện kinh doanh đã được cải thiện ở mức đáng kể nhất kể từ tháng 5/2015. Bình luận về dữ liệu khảo sát PMI ngành sản xuất Việt Nam, công ty thu thập kết quả khảo sát Markit cho biết: *"Dữ liệu PMI tích cực của tháng 3 đã khép lại quý tăng mạnh nhất được ghi nhận kể từ khi khảo sát bắt đầu vào đầu năm 2011. Điểm đặc biệt đáng mừng trong tháng 3 là việc làm đã tăng gần bằng*

mức kỷ lục khi các công ty vẫn lạc quan rằng khối lượng công việc sẽ tiếp tục tăng, ít nhất là trong ngắn hạn. [...]Do đó, ngành sản xuất chắc chắn sẽ tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng GDP trong quý đầu và hy vọng là cả năm 2017, năm mà IHS Markit dự báo tăng trưởng 6.4%" (Theo Vietstock.vn)

Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 10.02.2017

HOSE

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HSX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	ROS	166,200	1.28%	5,284,980	873,391
2	STB	12,250	6.99%	18,140,820	219,833
3	DXG	21,700	5.34%	6,882,120	145,238
4	HPG	31,950	4.58%	4,620,760	144,872
5	FLC	8,340	2.21%	17,080,130	141,973
6	VNM	144,300	0.70%	802,030	115,567
7	HBC	57,300	-0.17%	1,906,110	109,789
8	CII	38,450	1.99%	2,583,490	99,599
9	FPT	46,400	-1.90%	2,014,720	94,335
10	SSI	24,200	1.47%	3,632,730	87,380

HNX

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HNX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	ACB	25,000	2.04%	4,661,097	113,803
2	HJS	16,100	0.63%	4,318,137	50,459
3	VCS	166,000	-1.78%	3,058,500	30,655
4	SHN	10,900	2.83%	2,742,214	30,020
5	VCG	15,700	-0.63%	2,399,099	26,956
6	SHB	5,800	1.75%	1,734,996	24,828
7	HUT	13,800	0.00%	1,715,202	23,673
8	VC3	39,500	-1.50%	1,115,730	16,606
9	VGC	16,100	3.21%	1,017,100	15,846
10	CEO	11,900	0.00%	996,730	12,063

Top tăng giá HSX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	STB	12,250	6.99%	18,140,820	219,833
2	C47	9,840	6.96%	418,820	3,992
3	DHM	5,400	6.93%	1,312,940	6,886
4	QCG	6,840	6.88%	672,940	4,490
5	LCG	8,240	6.87%	1,829,110	14,752
6	TSC	2,970	6.83%	3,663,590	10,718
7	LDG	9,690	5.79%	1,087,270	10,422
8	SCR	8,470	5.35%	6,198,090	51,969
9	DXG	21,700	5.34%	6,882,120	145,238
10	TDH	14,300	4.76%	1,483,270	20,667

Top tăng giá HNX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	VE1	8,800	10.00%	420,900	3,704
2	HKB	6,900	9.52%	578,533	3,972
3	WSS	4,300	4.88%	244,100	1,035
4	VGC	16,100	3.21%	996,730	15,846
5	SHN	10,900	2.83%	2,742,214	30,020
6	NHP	3,900	2.63%	293,700	1,138
7	TIG	3,900	2.63%	439,443	1,716
8	ACB	25,000	2.04%	4,661,097	113,803
9	SHB	5,800	1.75%	4,318,137	24,828
10	PGS	17,800	1.14%	280,610	4,983

Top giảm giá sàn HSX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	HID	4,490	-6.85%	1,763,890	8,008
2	CDO	4,050	-5.15%	719,790	2,986
3	VTO	7,910	-5.04%	588,490	4,712
4	NVT	2,020	-4.72%	282,810	572
5	VPH	10,900	-4.39%	495,300	5,352
6	VHG	2,590	-4.07%	3,155,260	8,315
7	AGR	3,590	-2.97%	575,440	2,094
8	C32	48,200	-2.43%	222,330	10,857
9	KDC	41,000	-2.38%	710,980	29,281
10	BID	17,150	-2.28%	3,046,160	52,753

Top giảm giá HNX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	G20	3,400	-8.11%	215,800	746
2	PVI	29,700	-7.19%	269,549	8,100
3	HHG	9,500	-5.00%	660,841	6,612
4	MBS	5,800	-4.92%	212,121	1,267
5	DPS	2,500	-3.85%	461,140	1,189
6	TVC	13,500	-3.57%	807,800	11,116
7	SVN	2,800	-3.45%	582,200	1,648
8	PIV	15,800	-1.86%	610,200	9,794
9	VIX	6,200	-1.59%	239,294	1,488
10	VC3	39,500	-1.50%	425,500	16,606

Thống kê giao dịch khối ngoại

HOSE

Top mua ròng về giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VNM	612,420	88,261,785	662,890,075	54.3%
2	HPG	966,430	30,201,872	108,072,492	36.2%
3	HSG	337,390	16,664,051	39,657,397	28.8%
4	VJC	95,860	12,303,416	13,625,100	25.5%
5	VHC	137,280	7,479,082	65,109,004	29.5%
6	PAC	400,000	5,353,953	10,523,071	26.4%
7	PHR	168,150	4,430,412	37,038,330	3.4%
8	NT2	130,710	4,135,567	77,652,879	22.0%
9	GAS	69,060	3,786,615	887,269,352	2.6%
10	CII	56,350	2,178,043	29,480,057	59.3%

HNX

Top mua ròng về giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VGC	475,100	7,567,020	65,014,738	27.8%
2	VE1	418,900	3,686,040	481,000	33.0%
3	PGS	126,100	2,239,080	15,820,532	17.4%
4	INN	18,300	1,172,790	3,965,554	12.3%
5	DBC	13,500	434,320	15,794,511	28.0%
6	CTP	20,000	336,000	4,899,100	0.0%
7	VKC	20,000	275,760	4,724,616	25.4%
8	HVT	8,000	232,000	5,284,311	0.9%
9	PTI	7,500	217,360	7,544,909	39.6%
10	MST	20,000	212,000	8,817,700	0.0%

Top bán ròng về giá trị sàn HOSE

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VCB	(807,130)	(29,520,408)	333,142,940	20.7%
2	HBC	(464,910)	(26,857,202)	25,305,466	22.5%
3	PVD	(901,430)	(17,837,039)	85,694,310	26.6%
4	DXG	(652,200)	(13,919,138)	51,608,527	28.6%
5	DPM	(280,290)	(6,722,544)	112,081,426	20.4%
6	NLG	(200,740)	(5,410,579)	6,441,918	44.5%
7	BVH	(87,910)	(5,171,222)	164,580,291	24.8%
8	VIC	(63,990)	(2,646,315)	501,992,245	10.0%
9	ROS	(9,300)	(1,567,350)	206,597,440	1.0%
10	BFC	(39,990)	(1,375,751)	17,423,352	18.5%

Top bán ròng về giá trị tại HNX

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	NTP	(20,000)	(7,559,800)	11,663,906	33.3%
2	BVS	(39,100)	(622,310)	16,038,957	26.8%
3	VND	(22,900)	(354,940)	3,134,888	47.0%
4	ICG	(50,700)	(348,740)	6,270,316	17.7%
5	CSC	(10,000)	(315,690)	2,984,343	19.2%
6	HUT	(19,900)	(268,620)	52,913,840	19.0%
7	VCG	(10,000)	(156,500)	182,256,737	7.7%
8	PVS	(5,900)	(103,240)	94,951,201	27.7%
9	CEO	(3,000)	(35,400)	31,596,432	18.3%
10	TTH	(2,000)	(18,600)	6,237,499	1.0%

Thống kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Công nghệ Thông tin	27,863.72	1%	-1.25%	1.50%	11.01	1.99	16%	7%	6%	20%
Công nghiệp	426,547.85	19%	0.05%	3.52%	20.37	4.89	16%	8%	15%	22%
Dầu khí	16,654.81	1%	-1.17%	-5.23%	14.45	0.66	5%	2%	-7%	-6%
Dịch vụ Tiêu dùng	134,710.26	6%	0.44%	-3.68%	18.42	5.00	36%	10%	23%	7%
Dược phẩm và Y tế	32,376.46	1%	-0.93%	10.97%	24.80	3.36	22%	14%	12%	40%
Hàng Tiêu dùng	609,235.92	27%	0.52%	3.80%	19.73	6.82	30%	20%	16%	34%
Ngân hàng	362,577.90	16%	-0.20%	2.36%	13.83	1.74	12%	1%	23%	52%
Nguyên vật liệu	154,164.51	7%	0.45%	4.79%	9.68	1.83	19%	10%	5%	15%
Tài chính	344,854.45	15%	-0.08%	1.83%	23.22	2.79	10%	3%	16%	27%
Tiện ích Cộng đồng	166,913.18	7%	-0.60%	-3.46%	13.11	2.24	16%	10%	14%	24%
Viễn thông	13,910.85	1%	0.22%	-2.39%	13.56	4.13	30%	11%	14%	44%

TOP VỐN HOÁ SÀN HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6,464	22.32	1,451	43.16%	32.89%	209,439.23
2	VCB	Vietcombank	1,899	19.17	3,598	14.70%	0.93%	130,958.78
3	SAB	SABECO	6,983	28.70	641	33.80%	21.97%	128,512.75
4	VIC	VinGroup	928	44.71	2,638	5.89%	1.50%	109,464.88
5	GAS	PV Gas	3,675	14.89	1,913	16.77%	12.37%	104,660.14
6	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1,144	145.25	430	11.63%	7.39%	71,466.00
7	CTG	VIETINBANK	1,828	9.85	3,723	11.48%	0.79%	67,021.28
8	BID	BIDV	1,795	9.55	3,419	14.70%	0.66%	58,630.97
9	MSN	Tập đoàn Masan	2,472	19.38	1,138	11.77%	3.85%	54,522.76
10	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Nova)	3,238	21.47	680	20.63%	5.28%	40,961.16

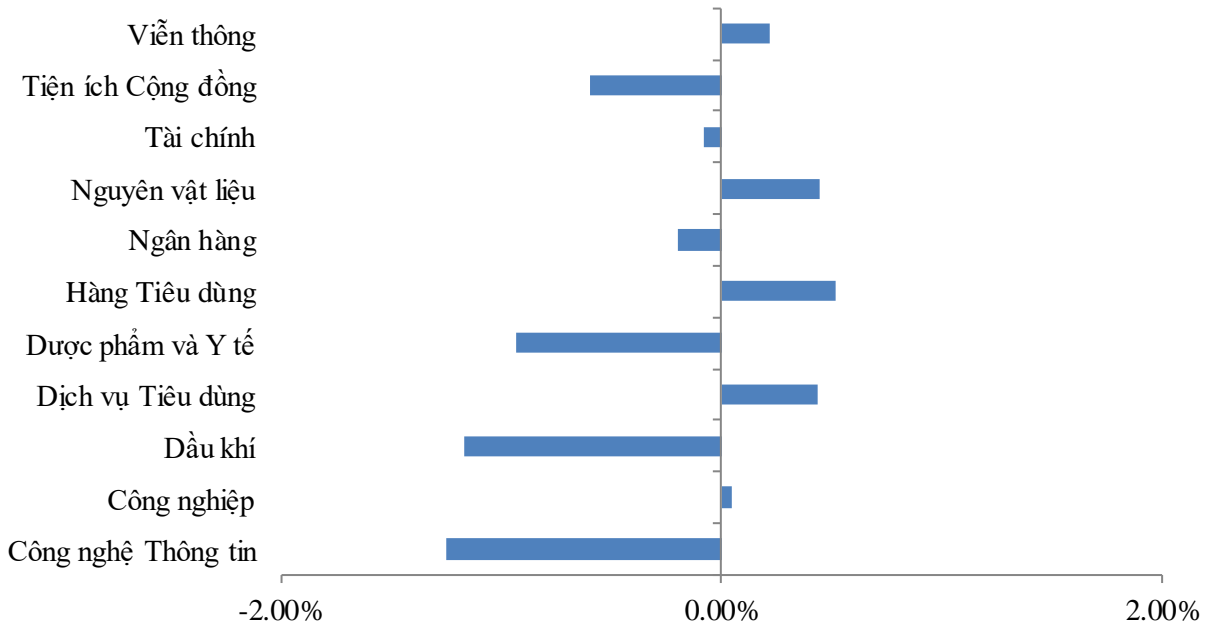
TOP VỐN HOÁ SÀN HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1,344	18.60	986	9.87%	0.61%	24,647.53
2	VCS	VCS STONE	12,009	13.82	60	55.28%	22.09%	9,960.00
3	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2,325	7.53	447	8.79%	4.00%	7,817.26
4	VCG	VINACONEX	1,078	14.56	222	6.44%	2.21%	6,934.86
5	PVI	Bảo hiểm PVI	2,424	12.25	442	7.96%	3.36%	6,607.87
6	SHB	SHB	921	6.30	1,119	7.66%	0.43%	6,491.32
7	NTP	Nhựa Tiền Phong	5,346	14.09	74	22.38%	11.90%	5,599.86
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1,410	11.14	327	12.12%	8.82%	5,133.27
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1,820	8.85	307	13.40%	4.17%	4,942.70
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1,829	13.50	131	8.87%	3.74%	3,237.58

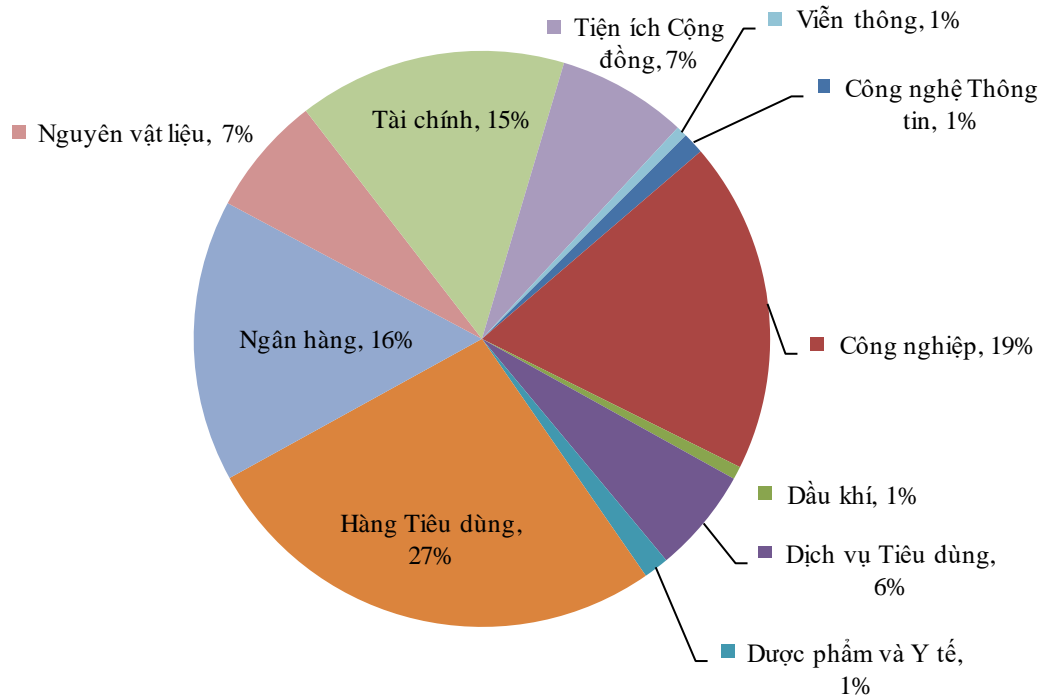
TOP VỐN HOÁ SÀN UPCOM

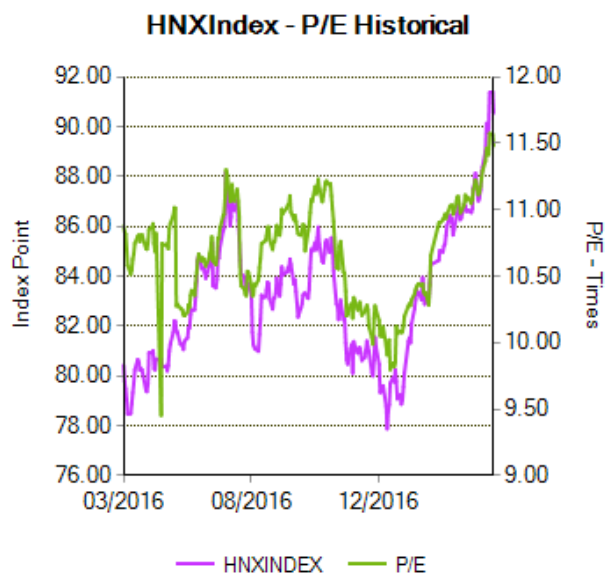
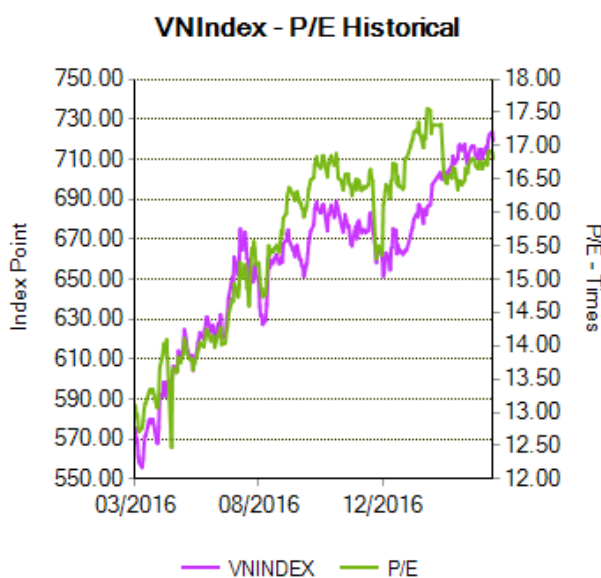
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1,002	50.59	2,177	8.33%	3.86%	110,339.14
2	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5,165	13.07	1,228	21.66%	15.32%	36,341.95
3	HVN	Vietnam Airlines	1,747	16.66	538	14.46%	2.21%	35,745.78
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7,575	16.31	188	43.25%	24.96%	23,171.73
5	FOX	FPT Telecom	6,698	14.17	137	30.82%	11.15%	13,008.65
6	MSR	Tài Nguyên MASAN	153	106.30	704	0.94%	0.41%	11,418.53
7	VIB	VIBBank	900	20.39	564	6.47%	0.59%	10,363.13
8	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	224.84	167	2.58%	2.56%	9,987.91
9	DTK	Vinacomin Power	21	656.35	680	0.23%	0.05%	9,520.00
10	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-528	-153.37	107	-6.48%	-4.99%	8,691.22

Tăng/giảm theo ngành



Tỷ trọng vốn hóa ngành





MIỄN TRÁCH: Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này.

Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: info@bmsc.com.vn